

065543

ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI CỦA VIỆT NAM: MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Đào Phương Nam*

Tóm tắt

Đầu tư ra nước ngoài là một xu thế tất yếu trong quá trình phát triển và hội nhập của các quốc gia trên thế giới. Có tầm quan trọng tương đương luồng vốn FDI vào nền kinh tế, vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài có ý nghĩa khá lớn đối với nền kinh tế các nước đang phát triển và chuyển đổi – các nước thực hiện đầu tư. Ở Việt Nam, đến năm 2010, sau 20 năm xâm nhập và mở rộng thị trường đầu tư, các doanh nghiệp Việt Nam đã có mặt tại nhiều nước trên thế giới nhưng hoạt động còn khiêm tốn, chưa tương xứng, triển vọng nhiều nhưng cũng không ít thách thức. Bài viết này nêu tổng quan tình hình đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam, qua đó, chỉ ra một số vấn đề còn tồn tại và đưa một số gợi ý chính sách nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tái cơ cấu các công ty thực hiện đầu tư ra nước ngoài và ngành hàng có liên quan – những tác động được truyền tải tới các công ty khác và các chủ thể kinh tế trong nước thông qua các kênh như sự liên kết, tác động lan tỏa và thúc đẩy cạnh tranh.

Từ khóa: Đầu tư ra nước ngoài, chính sách, năng lực cạnh tranh.

1. Khái niệm

Hoạt động đầu tư ra nước ngoài (ĐTRNN) của Việt Nam hiện nay được quy định tại chương VIII Luật đầu tư năm 2005; Nghị định số 78/2006/NĐ-CP quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cũng đã định nghĩa khá cụ thể: “Đầu tư ra nước ngoài là việc nhà đầu tư chuyển vốn ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư và trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư đó ở nước ngoài”.

ĐTRNN có thể tiến hành đầu tư dưới hình thức đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp. Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là việc đầu tư vốn, tài sản vào nước tiếp nhận đầu tư, thiết lập các dự án đầu tư tại đó đồng thời họ trực tiếp tham gia điều hành đối tượng mà họ bỏ vốn đầu tư. Còn đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

là việc nhà đầu tư thông qua thị trường tài chính mua cổ phần hoặc chứng khoán của các công ty của nước tiếp nhận đầu tư nhằm thu lợi nhuận dưới hình thức cổ tức hoặc thu nhập chứng khoán mà không tham gia điều hành trực tiếp đối với đối tượng mà họ bỏ vốn ra đầu tư.

Lợi nhuận là mục đích đầu tiên của đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, đây luôn là mục tiêu cao nhất mà các chủ đầu tư hướng tới, trong khi đó đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Chính phủ và các tổ chức quốc tế dưới hình thức ODA lại không nhằm mục đích này. Xuất phát từ mục đích kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận nên quan hệ ĐTRNN chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế còn hoạt động đầu tư gián tiếp ODA lại chịu sự chi phối ràng buộc bởi các quan hệ chính trị hoặc đường lối chính sách giữa các nước đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư.

* Đào Phương Nam, Công ty TNHH Cung Cấp Giải Pháp Dịch Vụ Giá Trị Gia Tăng – VNPT Technology.

2. Các động lực và nhân tố thúc đẩy đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

Các nhân tố đẩy của quốc gia đầu tư là các điều kiện tác động tới việc doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài và được chia thành bốn loại:

- Các điều kiện thương mại và thị trường: nhiều nước đang phát triển có thị trường trong nước nhỏ bé và thiếu cơ hội phát triển. Bên cạnh đó, có thể có các nhân tố khác làm cho những hạn chế về quy mô thị trường trong nước trở nên nghiêm trọng hơn. Ví dụ như, việc áp đặt các rào cản thương mại ở thị trường hiện tại hoặc thị trường tiềm năng, thiếu sự liên kết quốc tế với khách hàng tại các thị trường mục tiêu, khách hàng lớn trong nước chuyển cơ sở sản xuất của họ ra nước ngoài.

- Chi phí sản xuất, kể cả những hạn chế về đầu vào sản xuất: Chi phí sản xuất trong nước tăng do mở rộng nhanh chóng các hoạt động kinh tế, hoặc do sự khan hiếm nguồn lực hoặc đầu vào sản xuất cũng là những nhân tố quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

- Các điều kiện kinh doanh của nước đầu tư: Các điều kiện kinh doanh của nước đầu tư trong so sánh với các nước khác có thể thúc đẩy việc quốc tế hóa qua nhiều cách khác nhau. Ví dụ như sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong nước hoặc các công ty đa quốc gia tại thị trường trong nước, sử dụng quốc tế hóa để cơ cấu lại công ty và nguồn lực nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

- Chính sách của chính phủ nước đầu tư có tính thúc đẩy, hấp dẫn tương đối đối với các doanh nghiệp trong ĐTRNN.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến ĐTRNN của các doanh nghiệp

Một điểm chung có thể nhận thấy ở đây chính là các yếu tố về thị trường, tài nguyên, và lao động ở quốc gia tiếp nhận đầu tư luôn có một sức hút nhất định đến ĐTRNN của cả hai quốc gia trên. Việt Nam cũng không ngoại lệ, các yếu tố như thị trường của nước tiếp nhận, nguồn tài nguyên và lao động, sự gắn gũi về địa lý cũng là những nhân tố thu hút sự đầu tư của các nhà đầu tư Việt Nam. Điều này có thể dựa trên động cơ, mục tiêu để thỏa mãn nhu cầu của doanh nghiệp như tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hiệu quả sản xuất ở các quốc gia có nguồn nguyên liệu tại chỗ và lao động giá rẻ, tìm kiếm tài nguyên hay học tập kinh nghiệm quản lý kinh doanh, kỹ thuật tiên tiến... với các mục tiêu này, các doanh nghiệp sẽ lựa chọn những thị trường tiềm năng, có đủ các tiêu chí lựa chọn mà doanh nghiệp đề ra để đáp ứng mục tiêu của doanh nghiệp (Hình 1).

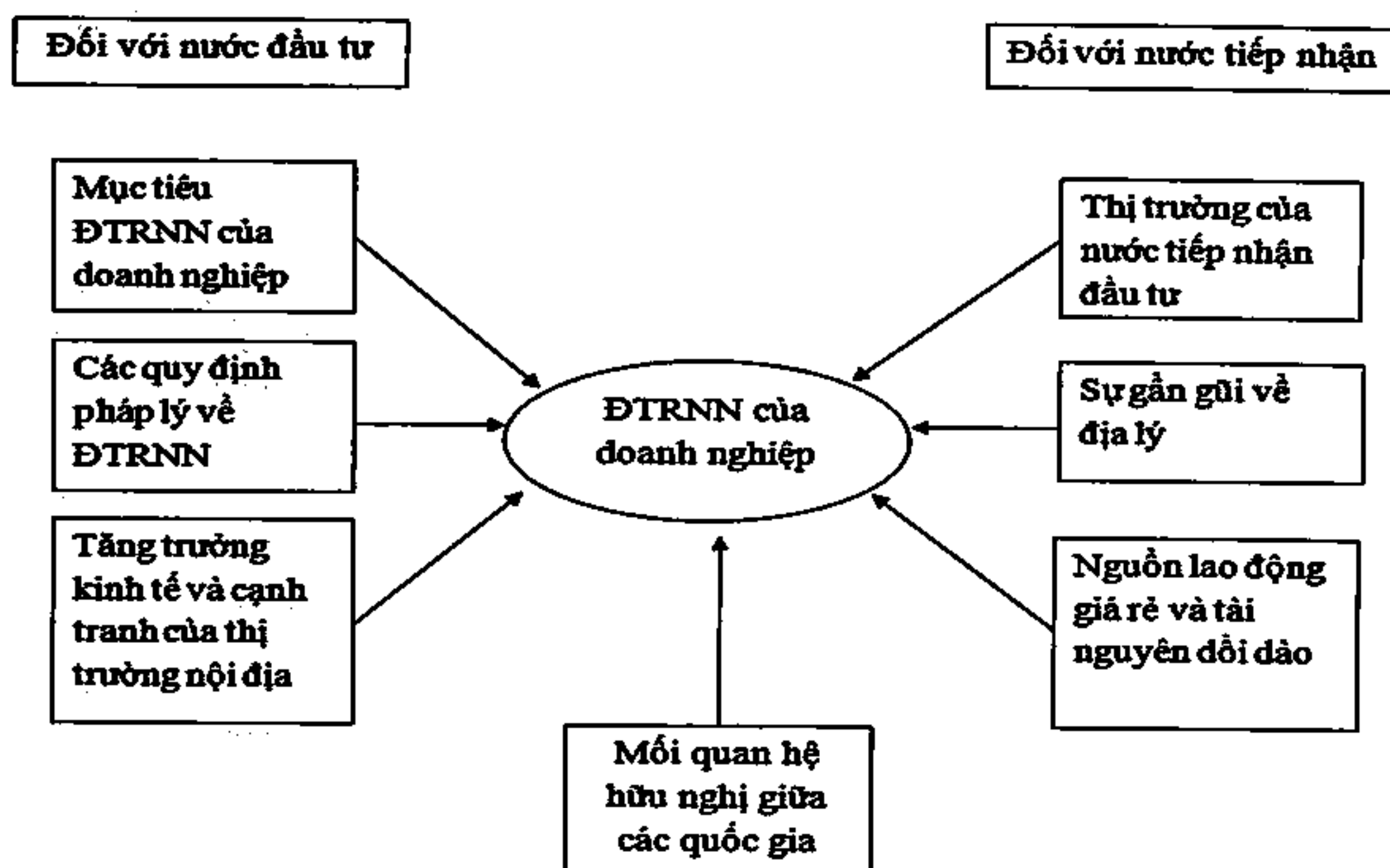
4. Tình hình đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam

Năm 2014 Việt Nam có 930 dự án ĐTRNN với tổng vốn đầu tư đăng ký của các nhà đầu tư Việt Nam là 14,85 tỷ USD, điều chỉnh tăng vốn cho 92 dự án với tổng vốn đầu tư tăng thêm là 4,93 tỷ USD. Tổng vốn đầu tư đăng ký (cả cấp mới và tăng thêm) là 19,78 tỷ USD. Riêng trong năm 2014, mặc dù tình hình kinh tế trong nước còn gặp nhiều khó khăn song tình hình đầu tư ra nước ngoài vẫn đạt kết quả khả quan.

Năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp nhận 153 hồ sơ dự án ĐTRNN, đã cấp mới Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài cho 109 dự án đầu tư sang 28 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đăng ký phía Việt Nam trên 1,047 tỷ đô la Mỹ và điều chỉnh GCNĐT cho 22 dự án với tổng vốn tăng thêm đạt 739 triệu USD. Tổng vốn đăng ký đầu tư ra nước ngoài (gồm cả cấp mới và tăng vốn) đạt trên 1,786 tỷ USD.

Về số lượng: Các dự án tập trung chủ yếu vào thị trường Campuchia với 23 dự án (chiếm 21% tổng số dự án), Myanmar với 16 dự án (14,7%); Lào với 13 dự án (12%); Hoa Kỳ với 12 dự án (11%) và Singapore với 9 dự án (8,2%).

Hình 1: Các yếu tố tác động đến ĐTRNN



Về quy mô vốn đầu tư cấp mới, lớn nhất là Tanzania (chỉ có 1 dự án chiếm 34% tổng vốn đăng ký phía Việt Nam); thứ hai là thị trường Campuchia (chiếm 31,1% tổng vốn đăng ký phía Việt Nam); thứ ba là Burundi (chỉ có 2 dự án chiếm 16,2% tổng vốn đăng ký phía Việt Nam). Về lĩnh vực đầu tư, vốn đầu tư tập trung và lĩnh vực thông tin truyền thông (54,3%), nông-lâm nghiệp và thủy sản (27,5%), khai khoáng (6%).

Một số dự án lớn trên 50 triệu USD:

- Dự án đầu tư mạng viễn thông tại Tanzania của Viettel (355,2 triệu USD);
- Dự án đầu tư mạng viễn thông tại Burundi của Viettel (170 triệu USD);

- Dự án trồng cao su tại Campuchia của CTCP An Đông Mía (80,4 triệu USD);

- Dự án trồng cao su tại Campuchia của CTCP Cao su Tây Ninh (64,7 triệu USD);

- Dự án trồng cao su tại Campuchia của CTCP Dầu Tiếng – Kratie (63,8 triệu USD);

- Dự án trồng cao su tại Campuchia của CTCP Tân Biên – Kampongthom (61,98 triệu USD).

- Đáng chú ý là Dự án thăm dò, khai thác dầu khí Lô PM304 tại Malaysia điều chỉnh tăng vốn ĐTRNN thêm 465,32 triệu USD.

Bảy dự án trên đã có số vốn đăng ký 1,261 tỷ USD (trong tổng vốn đăng ký 1,786

tỷ USD), chiếm 70,6% tổng vốn đăng ký ĐTRNN của các nhà đầu tư Việt Nam.

Như vậy, có thể thấy các dự án quy mô lớn tập trung trong các lĩnh vực viễn thông, nông - lâm nghiệp tập trung tại Lào, Campuchia và một số nước thuộc Châu Âu, Châu Phi, phù hợp với các lĩnh vực và địa bàn ưu tiên đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam. Đặc biệt, đã có xu hướng đầu tư sang các thị trường mới nổi, nhiều tiềm năng.

Tổng vốn đầu tư thực hiện của các dự án đầu tư ra nước ngoài, có một phần đáng kể vốn được thực hiện trong nước (không chuyển ra nước ngoài). Theo báo cáo của Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Sông Đà, Tập đoàn cao su Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản, Viettel... một phần vốn đầu tư ra nước ngoài được thực hiện để trả cho các nhà thầu của Việt Nam hoặc mua hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam để chuyển ra nước ngoài thực hiện dự án.

Như vậy, có thể thấy, đầu tư ra nước ngoài trong năm 2014 vẫn duy trì tỷ lệ vốn đăng ký ổn định, so với cùng kỳ năm trước, số lượng dự án tăng 10% tuy nhiên tổng vốn đăng ký giảm 10% do các dự án chủ yếu là quy mô nhỏ, tập trung về thương mại, dịch vụ. Số lượng dự án tập trung nhiều tại Campuchia và Myanmar. Vốn đầu tư tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực viễn thông, trồng cây công nghiệp, phù hợp định hướng của Chính phủ về khuyến khích và thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài.

Các dự án còn lại phân bổ đa dạng tại nhiều quốc gia, khu vực như các nước ASEAN, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu, Mỹ, Úc, Châu Phi; đồng thời tập trung chủ yếu vào kinh doanh thương mại và dịch vụ trên cơ sở các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của các nhà đầu tư tại Việt Nam. Ngoài ra, còn có các dự án trong các lĩnh vực xây

dựng, vận tải, bất động sản, sản xuất chế biến... Điều này cho thấy tính đa dạng trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp, cá nhân Việt Nam, đồng thời cho thấy xu hướng tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm ngày càng tăng, chiến lược đầu tư tập trung vào các lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư thấp, khả năng quay vòng vốn nhanh, nhanh chóng đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp

Trong 10 tháng năm 2015, Việt Nam đã có 102 dự án cấp mới đầu tư ra nước ngoài với tổng vốn đăng ký cấp mới là 441,9 triệu USD. Ngoài ra, còn có 53 lượt dự án tăng vốn với tổng vốn tăng thêm là 192,8 triệu USD. Như vậy, tính cả vốn cấp mới và vốn tăng thêm tính đến nay là 625,4 triệu USD.

Thị trường đầu tư ra nước ngoài vẫn tập trung nhiều tại một số thị trường truyền thống như Lào (9 dự án cấp mới, 9 dự án tăng vốn, tổng vốn cấp mới và tăng thêm là 126 triệu USD), Campuchia (có 11 dự án cấp mới và 12 dự án tăng vốn, tổng vốn cấp mới và tăng thêm là 194 triệu USD).

Ngoài ra, doanh nghiệp Việt Nam cũng đã đầu tư sang Hoa Kỳ (18 dự án cấp mới và 4 dự án tăng vốn với tổng vốn cấp mới và tăng thêm là 102 triệu USD) và Liên bang Nga, Singapore, Đức.... Như vậy, có thể thấy hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam gần đây không chỉ tăng trưởng nhanh chóng ở các thị trường truyền thống, mà còn mở rộng sang các quốc gia khác.

Về lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp Việt Nam tập trung đầu tư vào ngành khai khoáng là nhiều nhất (tổng vốn cấp mới và tăng thêm là 107 triệu USD, chiếm 16,8% tổng vốn đầu tư); tiếp theo là ngành nông, lâm, ngư nghiệp (tổng vốn cấp mới và tăng thêm là 106 triệu USD). Đây là những lĩnh vực đầu tư mà Việt Nam có thế mạnh, tuy nhiên, trong

những năm gần đây, các doanh nghiệp Việt Nam còn đầu tư sang nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác như thông tin, truyền thông, sản xuất điện, bất động sản, hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...

Điều này cho thấy tính đa dạng trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp, cá nhân Việt Nam, đồng thời cho thấy xu hướng tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm ngày càng tăng, chiến lược đầu tư tập trung vào các lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư thấp, khả năng quay vòng vốn nhanh, nhanh chóng đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Nhìn chung, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam đã có tính đa dạng hơn so với thời gian trước, về cả thị trường đầu tư lẫn lĩnh vực đầu tư. Ngày 25/9/2015 vừa qua, Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhằm mục đích kinh doanh; thủ tục đầu tư ra nước ngoài và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Với nhiều quy định mới tại Nghị định 83/2015/NĐ-CP về chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, xác định địa điểm thực hiện dự án, thực hiện chế độ báo cáo... thì hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới sẽ có những bước phát triển nhanh hơn và đa dạng hơn, đồng thời nâng cao chất lượng quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài để nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài có hiệu quả hơn.

5. Một số vấn đề tồn tại của ĐTRNN của Việt Nam

Hoạt động ĐTRNN vẫn còn khá mới mẻ với hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam. Trước đây, Việt Nam là nước nhận đầu tư trực tiếp của các nước khác, cho đến những năm gần đây mới xuất hiện xu hướng đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài nên nhà đầu tư, doanh nghiệp Việt Nam chưa có nhiều kinh

nhệm trong hoạt động ĐTRNN; chưa có nhiều thông tin về thị trường cũng như các quy định pháp luật, đầu tư, kinh doanh tại nước ngoài và các cản trở về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán tại nơi tiến hành các hoạt động đầu tư.

Phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ, năng lực về tài chính, công nghệ cũng như năng lực quản lý hạn chế; cộng thêm với việc chưa có nhiều kinh nghiệm trong đầu tư, kinh doanh quốc tế nên các nhà đầu tư Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn trong việc đầu tư, quản lý các dự án đầu tư tại nước ngoài.

Nhận thức về ĐTRNN chưa thật sự thống nhất. Thực tế cho thấy, nhận thức về hoạt động ĐTRNN của cơ quan quản lý nhà nước vẫn tồn tại nhiều điểm chưa thống nhất. Hiện tại, vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng hoạt động ĐTRNN chỉ thích hợp khi nền kinh tế dư thừa vốn vì hoạt động này làm cho nguồn vốn đầu tư trong nước bị giảm sút, khó quản lý nguồn vốn chuyển ra, dẫn đến tình trạng chảy máu ngoại tệ hoặc không tạo ra nhiều việc làm trong nước. Ngoài ra, đây cũng là lĩnh vực mới mẻ, Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm đối với lĩnh vực này nên cả các cơ quan chức năng của nhà nước cũng như doanh nghiệp đều có cách tiếp cận và có những bước đi thận trọng.

Hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách về ĐTRNN vẫn còn bất cập, hạn chế. Mặc dù hệ thống pháp luật, chính sách về ĐTRNN đã có những chuyển biến tích cực góp phần làm gia tăng các hoạt động ĐTRNN trong thời gian qua, nhưng vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình ĐTRNN.

Doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện ĐTRNN còn thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước. Các biện pháp hỗ trợ về vốn, ưu đãi; về thông tin tiếp cận thị trường; hỗ trợ trong việc triển

khai, thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài cũng như cơ chế bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư đã được quan tâm nhưng vẫn chưa được đồng bộ và chưa thật sự phát huy hiệu quả. Mỗi liên hệ giữa cơ quan đại diện ngoại giao và thương vụ ta ở nước ngoài với các doanh nghiệp ĐTRNN ngày được tăng cường, nhưng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với nhau và giữa các cơ quan nhà nước với nhà đầu tư còn chưa thật sự tốt nên chưa có nhiều thông tin về hoạt động của các dự án đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam trên địa bàn nước sở tại cũng như nên chưa hỗ trợ được nhiều cho các doanh nghiệp khi giải quyết những vấn đề phát sinh khi triển khai dự án tại nước ngoài. Do đó, đã có không ít doanh nghiệp gặp lúng túng, khó khăn trong việc triển khai dự án do quy định hoặc do thủ tục của phía bạn nên mất rất nhiều thời gian và chi phí.

6. Một số gợi ý chính sách

Trên cơ sở kết quả đầu tư ra nước ngoài, thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài thời gian qua, định hướng và giải pháp đầu tư ra nước ngoài trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cần thực hiện một số giải pháp sau:

Hoàn thiện cơ chế chính sách

Thứ nhất, nhà nước cần tăng cường thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư cùng các hoạt động xúc tiến thương mại ở nước ngoài. Trước tiên cần chú trọng tới các thị trường/ngành/sản phẩm được cho là trọng điểm nhằm giúp các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tìm hiểu, tiếp xúc và thực hiện đầu tư.

Thứ hai, để thực hiện tốt công tác xúc tiến đầu tư ra nước ngoài cần xây dựng các mạng lưới của các tổ chức xúc tiến nhằm đẩy

manh hiệu quả của hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Thứ ba, thành lập các tổ chức hợp tác kinh tế song phương, tổ chức các diễn đàn gặp mặt giữa cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội, các nhà đầu tư, nhằm đánh giá và nắm bắt những vướng mắc, khó khăn của các nhà đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ tư, có chính sách thuế ưu đãi cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài vào các lĩnh vực có thời gian thu hồi vốn chậm.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật

Thứ nhất là cần xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo sửa đổi các quy định bất cập hiện hành trong Luật hiện hành như các quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư, quy mô đầu tư, thủ tục đầu tư...; đồng thời bổ sung thêm các quy định mới còn thiếu bảo đảm tính pháp lý cao hơn cho các hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Về lâu dài, cần xây dựng Luật Đầu tư, kinh doanh tại nước ngoài để thống nhất tất cả các quy định đang nằm rải rác trong các Luật và văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để điều chỉnh các hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ hai là bổ sung vào Luật Đầu tư hiện hành các quy định liên quan đến đấu thầu sử dụng dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp tại các dự án đầu tư ra nước ngoài có sử dụng vốn đầu tư của nhà nước (vấn đề này pháp luật hiện hành của Việt Nam còn bỏ ngỏ nên phần lớn các hoạt động chi tiêu tại các dự án đầu tư ra nước ngoài không được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu).

Thứ ba là, các Bộ, ngành liên quan sớm ban hành hoặc trình Chính phủ, Quốc hội ban hành mới hoặc hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước, bảo đảm có đủ công cụ và phương tiện để quản lý, giám sát

QUẢN LÝ KINH TẾ

việc đầu tư có hiệu quả các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài có sử dụng vốn đầu tư của nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dr. Norbert Lang, *German Investment Code: An extensive recognition of the entries investment sectors with many familiar features*, InvestorNews Real Estate, August 2013.
- Luật đầu tư số 59/2005/QH của Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005.
- Luật số: 67/2014/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
- Nghị định 78/2006/NĐ-CP quy định về ĐTRNN của doanh nghiệp Việt Nam được Chính phủ ban hành ngày 09/8/2006.
- Peter Muchlinski, *Regulating Multinationals: Foreign Investment, Development and the Balance of Corporate and Home Country Rights and Responsibilities in a Globalizing World*, Second Columbia International Investment Conference What's Next in International Investment Law and Policy?, Columbia University, Lerner Hall, Room 555, New York, October 30-31, 2007.
- PGS.TS Phước Minh Hiệp, Th.s Lê Thị Vân Đan "Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư", NXB Thống Kê, năm 2007
- Quyết định số 1175/2007/QĐ-BKH ngày 10/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư trực tiếp ra nước ngoài
- Srijaanee Bhattacharyya, Slaughter and May, *Legal Regimes governing foreign direct investment (FDI) in host countries*, Advocates for International Development, November 2012.
- Thomas Anderson, *Foreign Direct Investment in the United States*, SURVEY OF CURRENT BUSINESS, June 2009.
- Tian Xu, Amanuel Schiow, *Foreign investment vehicle in China – overview of the legal Framework*, Initial Publication GesKR, Dike Publishing House, Switzerland, 2009.
- UNCTAD, *World Investment Report 2013, Global value chains: Investment and Trade for development*, United nation publican, 2013.
- Vũ Thị Lan, Phan Trọng Toàn "Thực trạng và giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại TP.Đà Nẵng" trích kỷ yếu hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học-lần 6 năm 2008
- www.mpi.gov.vn Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch - Đầu tư